

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày: 17-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Kiến Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trung Chánh**

Ông **Nguyễn Hồng Quân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Sơn Nhựt Nhân**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh G, sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh TV; Nơi cư trú: ấp TĐ, xã HT, huyện T, tỉnh TV; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân S và bà Trần Thị D; Bị cáo không có vợ (sống chung như vợ chồng với Phùng Thị Đ nhưng không có đăng ký kết hôn) và có một người con sinh năm 2007; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2019 đến ngày 22/12/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

2. Thạch Hoài Ph (tên gọi khác: SoNy), sinh năm 1998 tại huyện T, tỉnh TV; Nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh TV; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Sa M (đã chết) và bà Thạch Thị Th; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không có; Tiền sự: 02 tiền sự (Ngày 19/11/2018 bị Công an thị trấn Tiểu Cần xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã đóng tiền phạt vào ngày 05/9/2019; Ngày 17/12/2018 bị Công an xã Phú Cần xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã đóng tiền phạt vào ngày 05/9/2019); Nhân thân: Xấu;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2019 đến ngày 21/12/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh G:

Luật sư Võ Hùng H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TV. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Xuân S, sinh năm 1968 (có mặt)

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng trú tại: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh TV.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

2. Anh Thạch Thanh Th1 sinh năm 2000 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh T.

3. Anh Thạch Ngọc P, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh TV.

4. Anh Huỳnh Hữu Tr, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh TV.

5. Anh Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/8/2002 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh TV.

6. Anh Đoàn Ngọc D1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh TV.

7. Anh Hồ Quốc T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh TV.

8. Anh Thạch Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

9. Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Trú tại: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh TV.

10. Chị Phùng Thị Đ, sinh năm 1987 (có mặt)

11. Anh Phan Quốc V, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng anh Nguyễn Quốc H:

Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 18/12/2019, Phạm Văn D gọi điện thoại cho bị cáo Thạch Hoài Ph để hỏi mua ma túy đá về sử dụng nhưng gọi không được do

bị cáo Ph đang ngủ tại quán của bị cáo Lê Minh G thuộc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh TV. Sau đó D gọi cho bị cáo G để hỏi mua hai tép ma túy đá mỗi tép 500.000 đồng thì bị cáo G đồng ý và kêu bị cáo Ph thức dậy đi giao ma túy cho D. Sau đó bị cáo Ph mở điện thoại lên thì thấy cuộc gọi của D nên bị cáo Ph nhấc máy điện thoại cho D và D điện thoại lại cho bị cáo Ph hỏi mua 2 tép ma túy đá mỗi tép 500.000 đồng, bị cáo Phước đồng ý và kêu D đợi để bị cáo Ph hỏi bị cáo G vì ma túy là của bị cáo G. Bị cáo Ph nói với bị cáo G là D hỏi mua ma túy, G trả lời “Uhm, nó có điện thoại cho anh rồi”. Sau đó bị cáo G đưa cho bị cáo Ph hai tép ma túy đá để bị cáo Ph đi bán cho D. Bị cáo Ph lấy một tờ tiền mệnh giá 1000 đồng để gói hai tép ma túy đá lại, rồi cất trong túi quần. Lúc này, bị cáo G kêu bị cáo Ph lấy xe mô tô biển số 84H1-212.53 để chạy đi giao ma túy cho D nên bị cáo Ph một mình điều khiển xe chạy xuống nhà D. Khi gần tới nhà D thì bị cáo Ph gọi điện cho D nhưng D kêu bị cáo Ph đợi một lát vì D đang ở nhà bạn, sau đó bị cáo Ph điều khiển xe đến đậu trước quán cà phê Rubi thuộc khóm 2, thị trấn T để đợi D. Sau đó D gọi lại cho bị cáo Ph và bị cáo Ph kêu D đến trước cửa quán cà phê Rubi để bị cáo Phước giao ma túy. Lúc này bị cáo Ph lấy hai tép ma túy được bọc trong tờ tiền mệnh giá 1000 đồng trong túi ra kẹp vào ngón chân của bàn chân phải ngồi trên xe biển số 84H1-212.53 để đợi D đến giao ma túy. Khi bị cáo Ph đang ngồi trên xe chờ D đến giao dịch mua bán ma túy thì bị Công an bắt quả tang bị cáo Ph đang kẹp ma túy đá bằng ngón chân phải và bị cáo Ph đã bỏ 02 tép ma túy xuống nền đất ngay vị trí Ph ngồi trên xe. Công an tiếp tục kiểm tra cốp xe mô tô biển số 84H1-212.53 thì phát hiện thêm 03 (ba) tép ma túy trong cốp xe nên Công an huyện Tiểu Cần lập biên bản quả tang.

Qua làm việc bị cáo G thừa nhận vào ngày 18/12/2019 bị cáo có phen ma túy đá thành 05 tép và 01 ít ma túy đá, sau đó bị cáo bị cáo đem 03 tép ma túy đá cất vào trong cốp xe biển số 84H1-212.53 của bị cáo, còn 02 tép được bị cáo đưa cho bị cáo Ph đem bán cho D, còn lại một ít bị cáo để vào túi quần đang mặc với mục đích để tiếp tục bán cho các đối tượng, sau khi hay tin bị cáo Ph bị Công an bắt thì bị cáo đem số ma túy cất trong túi quần hòa vào nước rồi đổ vào bồn cầu, đồng thời bị cáo đem dụng cụ sử dụng ma túy vứt bỏ vào thùng rác công cộng ở phía trước quán của bị cáo nhằm tránh bị phát hiện.

Tại Kết luận số 382/KLGĐ ngày 20/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TV kết luận: Tinh thể rắn trong suốt chứa trong 02 gói nylon hàn kín được niêm phong, ký hiệu 01 là ma túy loại Methamphetamine tổng khối lượng là 0,4042 gam; Tinh thể rắn trong suốt chứa trong 03 gói nylon hàn kín được niêm phong, ký hiệu 02 là ma túy loại Methamphetamine tổng khối lượng là 0,5624 gam.

Ngoài lần bị bắt quả tang ra thì bị cáo G và bị cáo Ph còn khai nhận hai bị cáo đã cùng nhau đã bán ma túy cho những người sau đây:

Bán cho Phạm Văn D 02 lần:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 12 giờ giữa tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), khi bị cáo Ph đang ở quán nhậu của bị cáo G thì D gọi điện cho Ph hỏi mua 01 tép ma túy đá giá 500.000 đồng, Ph nói với G và G đưa cho Ph 01 tép ma túy đá để Ph bán cho D tại khu vực bên ngoài quán của bị cáo G. Khi bán ma túy cho D được 500.000 đồng thì Ph đưa số tiền trên cho bị cáo G, sau đó D đi về khu vực gần nhà của D sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 15 giờ, cùng ngày với lần thứ nhất (không nhớ ngày cụ thể), D tiếp tục gọi điện cho bị cáo Ph hỏi mua 01 tép ma túy đá với giá 300.000 đồng, Ph nói với G và G đưa cho Ph 01 tép ma túy đá để Ph bán cho D tại khu vực cổng S thuộc xã P, huyện T, tỉnh TV. Khi bán ma túy cho D được 300.000 đồng thì Ph đưa 200.000 đồng cho bị cáo G, Ph xin G 100.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, còn D đi về khu vực gần nhà của D sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

Bán cho Thạch Thanh Th 03 lần:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 10 giờ đầu tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể) bị cáo G đưa cho Ph 01 tép ma túy đá giá 300.000 đồng để Ph bán cho Th tại khu vực gần quán nhậu của bị cáo G. Sau đó Ph đưa số tiền trên cho G, còn Th đi về bụi cây thuộc ấp A xã T sử dụng hết tép ma túy trên.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 10 giờ cách lần thứ nhất 01 tuần (không nhớ ngày cụ thể) bị cáo G đưa cho Ph 01 tép ma túy đá giá 200.000 đồng để Ph bán cho Th tại khu vực gần quán nhậu của bị cáo G. Sau đó Ph đưa số tiền trên cho G, còn Th đi về bụi cây thuộc ấp A xã T sử dụng hết tép ma túy trên.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng 18 giờ cùng ngày với lần thứ hai, bị cáo G đưa cho Ph 01 tép ma túy đá giá 200.000 đồng để Ph bán cho Th. Sau đó Ph đưa số tiền trên cho G, còn Th và Ph đi về bụi cây thuộc ấp A xã T sử dụng hết tép ma túy trên.

Bán cho Huỳnh Hữu Tr 01 lần: Vào khoảng 18 giờ đầu tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G kêu bị cáo Ph đem 01 tép ma túy đá bán cho Tr với giá 200.000 đồng, tại khu vực gần quán của bị cáo G. Khi bán ma túy xong Ph đi vào trong quán đưa số tiền trên cho G, còn Tr đi về bụi cây gần nhà Tr sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

Bán cho Nguyễn Quốc H 01 lần: Vào khoảng 19 giờ đầu tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G kêu bị cáo Ph đem 01 tép ma túy đá bán cho Tr với giá 300.000 đồng, tại khu vực gần quán nhậu của bị cáo G. Khi nhận ma túy thì H không có tiền mà H đưa điện thoại hiệu Sam Sung, màu vàng cho Ph để đổi lấy tép ma túy giá 300.000 đồng. Sau đó Ph đưa điện thoại trên cho bị cáo

G, được 02 ngày sau thì G cho Ph điện thoại của H để Ph đem bán nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang, còn H đi về khu vực gần nhà H sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

Bán cho Đoàn Ngọc D 01 lần: Vào khoảng 19 giờ đầu tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), G cùng với bị cáo Ph bán ma túy đá cho D 01 tép ma túy đá với giá 300.000 đồng tại khu vực ngã tư P. Khi bán ma túy xong Phước đưa cho G 300.000 đồng, còn D đem ma túy về nhà sử dụng một mình hết.

Bán cho Hồ Quốc T (tên thường gọi là Kì Đà) 01 lần: Vào khoảng 18 giờ 30 phút đầu tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), Toàn cùng với Thạch Q, sinh năm 1987, ngụ khóm 2, thị trấn T rủ nhau hùn mỗi người 250.000 đồng để mua ma túy đá của G về sử dụng. Sau đó G cùng với bị cáo Ph bán cho T và Quân 01 tép ma túy đá với giá 500.000 đồng tại khu vực đối diện siêu thị Coopmart T. Nhưng khi giao ma túy thì Toàn chỉ đưa cho Ph 350.000 đồng (Toàn xin thiếu 150.000 đồng), sau đó Toàn cùng với Q cùng nhau sử dụng hết tép ma túy trên.

Ngoài việc bị cáo G và bị cáo Ph cùng bán ma túy đá cho các đối tượng nêu trên ra thì bị cáo G còn thừa nhận một mình bị cáo đã bán ma túy đá cho các đối tượng sau:

Bán cho Phan Quốc V 03 lần:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 11 giờ đầu tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G đã bán cho V 01 tép ma túy đá với giá 100.000 đồng, tại quán của bị cáo G thuộc ấp T, xã H, sau đó V đi về khu vực bụi cây gần nhà V sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 11 giờ giữa tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G đã bán cho V 01 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng tại quán của bị cáo G, V xin thiếu G 100.000 đồng, sau đó V đi về khu vực bụi cây gần nhà V sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng 16 giờ giữa tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G đã bán cho V 01 tép ma túy đá với giá 300.000 đồng tại khu vực ngã ba Bến Cát thuộc xã H. Khi giao ma túy V đưa G 270.000 đồng, xin thiếu G 30.000 đồng, sau đó V đi về khu vực bụi cây gần nhà V sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

Bán cho Nguyễn Hoàng N 02 lần:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 18 giờ giữa tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G đã bán cho N 01 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng tại khu vực thùng rác phía trước bên tay phải của quán bị cáo G. Sau đó N đi vào bụi cây kế bên nhà hoang thuộc ấp T, xã H sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 20 giờ giữa tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể), bị cáo G đã bán cho N 01 tép ma túy đá với giá 300.000 đồng, tại khu vực

thùng rác phía trước bên tay phải của quán bị cáo G. Khi giao ma túy N đưa G 100.000 đồng, xin thiếu Giàu 200.000 đồng, sau đó N đi vào bụi cây kế bên nhà hoang thuộc ấp T, xã H sử dụng một mình hết tép ma túy trên.

Bán cho Thạch Thanh Th 01 lần: Vào khoảng 11 giờ giữa tháng 12/2019 (không nhớ ngày cụ thể) G đã bán cho Th và Thạch Ngọc Ph, sinh năm 1999, tên thường gọi là Trí Bót cùng ngụ ấp C xã P, tại khu vực gần quán nhậu của bị cáo G, 01 tép ma túy đá với giá 200.000 đồng tại khu vực quán nhậu của bị cáo G, nhưng khi giao ma túy Th chỉ đưa cho G 100.000 đồng (Th thiếu 100.000 đồng).

Nguồn ma túy đá để bị cáo G và bị cáo Ph sử dụng và bán cho các đối tượng trên là do bị cáo G và bị cáo Ph đã 05 lần mua ma túy đá của đối tượng tên Queo (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) tại khu vực cầu Tân An thuộc xã T, huyện C, tỉnh T, với tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Một mình bị cáo G đã một lần trực tiếp mua ma túy đá của đối tượng Nhật L ngụ ấp X, xã P, huyện T (hiện Lâm đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, không xác định được địa chỉ cụ thể) một lần với số tiền 2.500.000 đồng và một lần bị cáo G và bị cáo Ph hùn với nhau mỗi người 3.000.000 đồng để bị cáo Ph đi lên thành phố Hồ Chí Minh gặp đối tượng tên Tèo (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) mua ma túy đá với giá 5.600.000 đồng.

Đối với các đối tượng Phạm Văn D, Thạch Thanh Th, Thạch Ngọc Ph, Huỳnh Hữu T, Đoàn Ngọc D, Hồ Quốc T, Thạch Q, Phan Quốc V, Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Quốc H đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này.

Đối với hành vi bán ma túy của các đối tượng Q, Nhật L, Tèo do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xử lý.

Vật chứng, đồ vật thu giữ gồm:

- Gói 1: Tinh thể rắn trong suốt có khối lượng còn lại sau giám định là 0,3135 gam, là ma túy, loại Methamphetamine, được để trong phong bì niêm phong số 382/01;

- Gói 2: Tinh thể rắn trong suốt có khối lượng còn lại sau giám định là 0,5109 gam, là ma túy loại Methamphetamine, được để trong phong bì niêm phong số 382/02;

- 03 (Ba) điện thoại di động, trong đó: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, màn hình cảm ứng, gắn một sim số 0344762021; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ, màn hình cảm ứng (màn hình bị nứt một đường), gắn một sim số 0902.000.865; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng (bị nứt nham nhỡ), không gắn sim, đã bị hư hỏng;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, kiểu SH màu trắng, biển số 84H1-212.53, số máy JF42E0109636, số khung 421XDY109671;

- Tiền Việt Nam: 1.624.000 đồng (trong đó: 1.623.000 đồng là tài sản riêng của bị cáo Giàu không phải do bán ma túy mà có và 1000 đồng là tiền của bị cáo Phước dùng quần ma túy bán cho Dể).

- 01 (một) đôi dép kẹp màu đen;

- 01 (Một) cái bóp da màu đen, loại 02 ngăn có xích kéo.

Tại Bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Lê Minh Giàu và bị cáo Thạch Hoài Phước về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh G từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Thạch Hoài Ph từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Phạt bổ sung bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph mỗi bị cáo 5.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án, Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 03 điện thoại di động; 01 chiếc xe mô tô biển số 84H1-212.53 và 1.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gói ma túy đá có khối lượng còn lại sau giám định là 0,3135 gam và 0,5109 gam.

- Buộc bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph cùng liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.800.000 đồng; buộc bị cáo Lê Minh G nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục lưu giữ số tiền 1.623.000 đồng của bị cáo Lê Minh G để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Thạch Hoài Ph 01 đôi dép kẹp màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Lê Minh G 01 cái bóp da màu đen.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Minh G phát biểu tranh luận: Bị cáo thừa nhận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo rất ăn năn, hối hận về việc bị cáo đã làm nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về lo cho cha mẹ già và con nhỏ, bị cáo hứa sẽ không vi phạm pháp luật nữa.

Bị cáo Thạch Hoài Ph phát biểu tranh luận: Bị cáo thừa nhận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo đã rất hối hận về

việc bị cáo đã làm, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về phụng dưỡng mẹ già.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Xuân S và bà Trần Thị D phát biểu tranh luận: Chiếc xe mô tô hiệu Honda biển số 84H1-212.53 là tài sản chung của ông bà nhờ con ruột là bị cáo Lê Minh G đứng tên đăng ký sở hữu giùm ông bà, việc bị cáo G dùng chiếc xe trên để đi bán ma túy thì ông bà không biết nên ông bà yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe trên cho ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần:

Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph thừa nhận các bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra phương tiện, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, ... thì đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng hơn 17 giờ ngày 18/12/2019 tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh TV, bị cáo G và bị cáo Ph đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine với khối lượng 0,4042 gam cho đối tượng Phạm Văn D với giá 1.000.000 đồng thì bị phát hiện, bắt giữ. Ngoài ra, bị cáo G và bị cáo Ph còn tàng trữ 0,5624 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích mua bán. Đồng thời trong tháng 12 năm 2019, bị cáo G đã cùng với bị cáo Ph bán ma túy loại Methamphetamine cho các đối tượng Phạm Văn D, Thạch Thanh Th, Huỳnh Hữu Tr, Nguyễn Quốc H, Đoàn Ngọc D, Hồ Quốc T tổng cộng 09 lần, 09 tép ma túy với số tiền bằng 2.800.000 đồng. Cũng trong tháng 12 năm 2019, một mình bị cáo G đã bán ma túy loại Methamphetamine cho các đối tượng Phan Quốc V, Nguyễn Hoàng N và Thạch Thanh Th tổng cộng 06 lần 06 tép ma

túy với số tiền bằng 1.300.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, duy trì tệ nạn ma túy, làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của những người được các bị cáo bán ma túy cho sử dụng, cũng như là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, xâm phạm đến trật tự an toàn của xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên vẫn cố tình thực hiện. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đây là vụ án có nhiều đối tượng cùng tham gia, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm nên được xác định là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lê Minh G có hành vi mua bán ma túy nhiều lần hơn so với bị cáo Thạch Hoài Ph và có vai trò tích cực hơn bị cáo Ph nên cần xử phạt bị cáo G với mức hình phạt nặng hơn bị cáo Ph thì mới tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của từng bị cáo. Ngoài ra, xét thấy cần phạt bổ sung đối với hai bị cáo một số tiền nhất định như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhằm bảo đảm tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo G có người thân có công với cách mạng; bị cáo Ph là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Đối với hành vi bán ma túy của các đối tượng tên Q, Nhật L, T, do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở để xử lý.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 84H1-212.53: Chiếc xe này theo quy định của pháp luật là tài sản bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu, bị cáo Lê Minh G đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nên về mặt pháp lý bị cáo Lê Minh G là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph đã dùng chiếc xe trên để làm phương tiện đi bán ma túy nên xét thấy cần tịch thu chiếc xe mô tô trên để nộp ngân sách Nhà nước. Việc bị cáo G, ông Lê Xuân S và bà

Trần Thị D cho rằng chiếc xe trên là tài sản chung của ông Lê Xuân S và bà Trần Thị D nhờ bị cáo G đứng tên đăng ký sở hữu giùm nhưng ngoài lời khai của bị cáo G, ông S, bà D ra thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh chiếc xe trên là tài sản chung của ông S, bà D. Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 11/02/2020 có sự chứng kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Minh G thì bị cáo đã khai “*Một chiếc xe mô tô, gắn máy, hiệu Honda, kiểu SH biển số 84H1-21253, màu trắng là tài sản của cá nhân tôi, do tôi đứng tên chủ quyền, được Ph mượn đi bán ma túy cho D vào ngày 18/12/2019*” (bút lục 87). Mặc khác, trong quá trình điều tra ông S và bà D có lời khai mâu thuẫn nhau về nguồn gốc số tiền mua xe và người sử dụng xe: ông S khai “*Chiếc xe mô tô trên do vợ chồng tôi đi vay ngân hàng lấy tiền về mua xe mô tô để cho G đứng tên... chiếc xe mô tô trên hàng ngày chỉ một mình G sử dụng*” (bút lục 220-221); bà D lại khai “*Vào khoảng tháng 06/2015 (không nhớ ngày cụ thể) vợ chồng tôi tích góp được một ít tiền để mua một chiếc xe mô tô, gắn máy biển số 84H1-21253... Thịnh thoảng G cũng có quản lý sử dụng chiếc xe trên*” (bút lục 224-225). Ông S, bà D và bị cáo G có mối quan thân thích với nhau (vợ chồng, cha mẹ con ruột) nên lời khai của những người này không khách quan, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác nên không có giá trị chứng minh. Vì vậy yêu cầu của ông S và bà D về việc yêu trả trả lại xe biển số 84H1-212.53 cho ông bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Các vật chứng, đồ vật còn lại, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh G 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2019.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thạch Hoài Ph 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2019.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph mỗi bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 03 (Ba) điện thoại di động, trong đó có: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng (gold), màn hình cảm ứng, gắn một sim số 0344762021; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, màn hình cảm ứng, gắn một sim số 0902.000.865 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng đồng (gold), màn hình cảm ứng (bị nứt nham nhở), không gắn sim, đã bị hư hỏng;

+ 01 (một) chiếc xe mô tô, gắn máy, hiệu Honda, kiểu SH, biển số 84H1-212.53, màu trắng, số máy JF42E0109636, số khung 421XDY109671;

+ Số tiền 1.000 đồng (một nghìn đồng) của bị cáo Thạch Hoài Phước.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Gói 1: Tinh thể màu trắng trong suốt có khối lượng còn lại sau giám định là 0,3135 gam được để trong phong bì niêm phong số: 382/01;

+ Gói 2: Tinh thể màu trắng trong suốt có khối lượng còn lại sau giám định là 0,5109 gam được để trong phong bì niêm phong số: 382/02;

- Tiếp tục lưu giữ số tiền 1.623.000 đồng của bị cáo Lê Minh G để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Thạch Hoài Ph 01 (một) đôi dép kẹp màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Lê Minh G 01 (một) cái bóp màu đen (bóp da) loại hai ngăn có xích kéo.

- Buộc bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph cùng liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.800.000 đồng; buộc bị cáo Lê Minh G nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Minh G và bị cáo Thạch Hoài Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- THAHS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Hiếu Tử;
- UBND xã Phú Cần;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Kiến Quốc